

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/LĐ-PT

Ngày 28/7/2025

V/v tranh chấp quyền, lợi ích liên
quan đến tiền lương

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vũ;

Ông Nguyễn Quốc Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trâm Thị Phương Hằng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, số 01, Đường 30/4, phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLPT-LĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, về tranh chấp quyền, lợi ích liên quan đến tiền lương.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 09/2025/LĐ-ST ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 340/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Văn H;

2. Ông Huỳnh Văn Đ;

3. Ông Lê Trung T;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp C, xã T, Thành phố Cần Thơ). (đều vắng mặt)

4. Ông Lê Văn D;

Địa chỉ: Số 226, đường C, khóm 6, Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là số 226, đường C, khóm 6, phường S, Thành phố Cần Thơ). (vắng mặt)

5. Ông Danh Thành G;

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã M, Thành phố Cần Thơ). (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Đ1; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp A, xã A, Thành phố Cần Thơ); địa chỉ liên hệ: Số 41, đường N, khóm 1, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là số 41, đường N, khóm 1, phường P, Thành phố Cần Thơ); là người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn (văn bản uỷ quyền ngày 28/6/2024, ngày 01/7/2024). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, Luật sư của Văn phòng Luật sư T - Chi nhánh S, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Cần Thơ; địa chỉ: Số 367/45, Quốc lộ A, khóm 1, Phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là số 367/45, Quốc lộ A, khóm 1, phường S, Thành phố Cần Thơ). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Mía đường S;

Địa chỉ trụ sở: Số 845, đường P, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là số 845, đường P, phường S, Thành phố Cần Thơ).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Ngọc H1; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc; địa chỉ làm việc: Số 845, đường P, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là số 845, đường P, phường S, Thành phố Cần Thơ); là người đại diện theo pháp luật của bị đơn. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Mía đường S - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn ông Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn Đ, Lê Trung T, Lê Văn D, Danh Thành G và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc Đ1 trình bày:

Các ông Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn Đ, Lê Trung T, Lê Văn D và Danh Thành G là người lao động của Công ty cổ phần Mía đường S (sau đây viết là Công ty). Ngày 30/9/2016, Công ty và Công đoàn cơ sở của Công ty có ký kết Thỏa ước lao động tập thể với thỏa thuận tại Điều 5 là “*Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông hàng năm thông qua). Tiền lương người lao động được đảm bảo chi trả đúng quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng của Công ty*” và đơn giá tiền lương mỗi tấn sản phẩm của vụ đường năm 2017-2018 là 800.000 đồng. Theo Điều 2 của Quy chế tiền lương, tiền thưởng do Hội đồng quản trị Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2017 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, sau đây viết là Quy chế tiền lương) quy định: “*Quỹ tiền lương gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nên thu nhập của người lao động có thể thay đổi theo từng tháng hoặc kỳ sản xuất dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Tổng Giám đốc giao cho từng đơn vị*

hoặc cá nhân” và theo các hợp đồng lao động đã ký kết thì Công ty trả lương cho công nhân theo sản phẩm, từ đó tiền lương phụ thuộc vào sản lượng đường làm ra.

Kết thúc vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018 (từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018), Công ty đạt sản lượng 45.538,45 tấn đường nhập kho, đơn giá tiền lương mỗi tấn 800.000 đồng nên quỹ lương trích trong mùa vụ này là 36.430.760.000 đồng (45.538,45 tấn x 800.000 đồng/tấn). Trong mùa vụ 2017-2018, Công ty đã chi tiền lương 12 tháng cho người lao động hết 24.520.252.317 đồng, chi thưởng hết 3.005.918.800 đồng nên còn thừa quỹ tiền lương là 8.904.588.883 đồng, nhưng Công ty không chi trả cho người lao động, mà Hội đồng quản trị lại ban hành Nghị quyết số 05 ngày 04/01/2019 để hoàn nhập số tiền này giảm lỗ cho mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2018-2019, sau đó là Nghị quyết số 45 ngày 15/5/2019 đã bổ sung số tiền trên vào quỹ lương của mùa vụ 2018-2019. Việc sử dụng quỹ lương như trên là trái với Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế tiền lương.

Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty cổ phần Mía đường S chi trả quỹ lương còn thừa 8.904 588.883 đồng của mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018 cho các nguyên đơn theo tỷ lệ mức lương của từng người được hưởng tại thời điểm tháng 6/2018 với tổng số tiền là 99.020.750 đồng, theo cách tính tổng quỹ tiền lương thừa 8.904.588.883 đồng chia cho tổng số tiền lương phải trả cho người lao động trong 01 tháng (tháng 6/2018 là 1.547.373.212 đồng) bằng số tháng lương mỗi lao động sẽ được hưởng (5,75 tháng) nhân (x) số tiền thực lãnh của từng người lao động bằng (=) số tiền Công ty phải trả, cụ thể từng người: Ông H $3.190.000 \text{ đồng} \times 5,75 = 18.342.500 \text{ đồng}$, ông Đ $3.190.000 \text{ đồng} \times 5,75 = 18.342.500 \text{ đồng}$, ông T $3.817.000 \text{ đồng} \times 5,75 = 21.947.750 \text{ đồng}$, ông D $3.567.000 \text{ đồng} \times 5,75 = 20.510.250 \text{ đồng}$ và ông G $3.457.000 \text{ đồng} \times 5,75 = 19.877.750 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Mùa vụ 2017-2018, đối với ông H, ông chỉ làm việc được 11 tháng (không làm tháng 11/2017) nên ông yêu cầu Công ty phải trả 16.813.958 đồng; đối với ông Đ, ông cũng chỉ làm việc được 11 tháng (không làm tháng 9/2017) nên ông yêu cầu Công ty phải trả 16.651.779 đồng; đối với ông G, ông chỉ làm việc được 09 tháng (không làm tháng 7,8,9/2017) nên ông yêu cầu Công ty phải trả 14.908.313 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S trình bày:

Thời hiệu khởi kiện đối với vụ việc nêu trên đã hết. Theo Đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 20/9/2024 (theo Giấy xác nhận số 1142/GXN-TA ngày 11/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng), các nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải thanh toán số tiền còn lại của quỹ lương mùa vụ 2017-2018, mùa vụ này bắt đầu từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018. Tuy nhiên, đến ngày 20/9/2024, các nguyên đơn mới có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại

khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Lao động năm 2019. Ngày 05/11/2024, bị đơn đã gửi đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đề ngày 31/10/2024 đến Tòa án, yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án này theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, bị đơn yêu cầu Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện của vụ việc và ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Không có cơ sở yêu cầu thanh toán khoản tiền thừa quỹ lương 8.904.588.883 đồng của mùa vụ 2017 - 2018. Theo Điều 5 của Thỏa ước lao động ngày 30/9/2016 và Điều 10.3 của Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2017, Công ty nhận thấy rằng không có bất kỳ cơ sở, nội dung nào thể hiện một cách minh thị rằng Công ty buộc phải thanh toán cho người lao động phần tiền còn lại của quỹ lương mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018 là 8.904.588.883 đồng. Thực tế, tính từ thời điểm thành lập Công ty ngày 02/02/1996 cho đến nay, Công ty luôn quán triệt và sử dụng quỹ lương theo bản chất là một nguồn tiền để hỗ trợ Công ty cân đối dòng tiền nhằm mục đích chi lương, chi thưởng, phụ cấp, trợ cấp và chi phí khác cho người lao động như được quy định theo Điều 10.2 Quy chế tiền lương 2017, mà không là khoản tiền lương để buộc chi hết cho toàn thể người lao động tại cuối bất kỳ vụ sản xuất cụ thể nào. Bên cạnh đó, nguyên đơn buộc Công ty phải trả tiền cho nguyên đơn thì các khoản tiền này sẽ được xác định là khoản tiền nào theo quy chế lương và hệ số để tính lương là như thế nào. Nếu xét tính chất tiền lương, các khoản tiền này không có tính chất tiền lương, vì vượt quá hạn mức tiền lương được Công ty thỏa thuận với người lao động tại hợp đồng lao động. Đồng thời, mỗi nguyên đơn có thời gian tham gia quan hệ lao động tại Công ty khác nhau nên hệ số tính lương sẽ áp dụng như thế nào. Điều quan trọng nhất chính là Công ty đã trả lương đầy đủ, đúng hạn cho người lao động tương ứng với thời gian làm việc của mỗi người. Nếu xét tính chất tiền thưởng, trong mùa vụ 2017-2018, Công ty đã chi thưởng cho người lao động với mức thưởng lên đến 02 tháng tiền lương và đến nay, Công ty chưa từng có quyết định hoặc chính sách nào nhằm tuyên bố rằng Công ty sẽ tiếp tục chi thưởng từ khoản tiền của quỹ lương. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Công ty phải tiếp tục chi những khoản tiền không rõ cơ sở, tính chất là đi ngược lại với nguyên tắc sử dụng quỹ tiền lương của Công ty, buộc Công ty phải đưa ra những khoản chi vượt hạn mức, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.

Không có cơ sở cho phương thức chia và phân bổ số tiền thừa của quỹ lương mùa vụ 2017-2018 cho từng nguyên đơn. Qua rà soát các tài liệu, văn bản của Công ty ở giai đoạn mùa vụ 2017-2018, Công ty khẳng định không có bất kỳ cơ sở, nội dung nào thể hiện một cách minh thị về phương thức chia và phân bổ số tiền thừa của quỹ lương mùa vụ 2017-2018 cho từng nguyên đơn, cụ thể: Thứ nhất, hợp đồng lao động của từng người lao động, Quy chế lương năm 2017 và Thỏa ước lao động không có bất kỳ quy định nào thể hiện phương thức chia và phân bổ số tiền thừa của quỹ lương từng vụ cho toàn thể người lao động của Công ty. Thứ hai, căn cứ theo hợp đồng lao động của từng người lao động đã ký

với Công ty cũng như thực tế thực hiện hợp đồng lao động của mỗi người lao động thì mỗi người lao động sẽ có sự khác nhau về thời gian làm việc, mức lương, hệ số lương, phụ cấp và hình thức trả lương nên Công ty không thể áp dụng việc chia và phân bổ số tiền thừa của quỹ lương mùa vụ 2017-2018.

Do đó, Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại Bản án số 09/2025/LĐ-ST ngày 03/4/2025, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ) đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 188, Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc Công ty cổ phần Mía đường S thanh toán quỹ tiền lương còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 (từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018) cho ông Huỳnh Văn H số tiền 16.813.958 đồng, ông Huỳnh Văn Đ số tiền 16.651.779 đồng, ông Danh Thành G số tiền 14.908.313 đồng, ông Lê Trung T số tiền 21.947.750 đồng và ông Lê Văn D số tiền 20.510.250 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành ngay khoản tiền mà Công ty cổ phần Mía đường S có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 18/4/2025, Công ty cổ phần Mía đường S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn không có đơn rút lại đơn khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn cũng không có đơn rút kháng cáo và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Mía đường S là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn, cũng như người đại diện hợp pháp của bị đơn: Những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất để tham gia phiên tòa phúc thẩm, trong đó phía bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S có kháng cáo, nhưng tất cả đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần Mía đường S đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của Công ty cổ phần Mía đường S, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, phía Công ty cổ phần Mía đường S đều xác nhận các ông Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn Đ, Lê Trung T, Lê Văn D, Danh Thành G là người lao động của Công ty, lĩnh lương hàng tháng trong mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tình tiết mà các nguyên đơn không phải chứng minh.

[5] Theo các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp đã thể hiện, mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2016-2017, Công ty còn thừa quỹ tiền lương là 715.002.892 đồng; mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018, Công ty đạt sản lượng 45.538,45 tấn đường nhập kho, đơn giá tiền lương mỗi tấn 800.000 đồng, quỹ lương trích trong vụ này là 36.430.760.000 đồng, đã chi trả tiền lương 12 tháng cho toàn thể người lao động hết 24.520.252.317 đồng, chi thưởng hết 3.005.918.800 đồng, còn lại 9.619.591.775 đồng (trong đó có 715.002.892 đồng của mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2016-2017 chuyển qua). Như vậy, có căn cứ xác định số tiền quỹ lương còn thừa của mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018 của Công ty là 9.619.591.775 đồng - 715.002.892 đồng = 8.904.588.883 đồng.

[6] Điều 5 của Thỏa ước lao động tập thể ngày 30/9/2016 quy định: *“Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua). Tiền lương của người lao động được đảm bảo chi trả đúng Quy chế thanh toán tiền lương, thưởng của công ty”*. Theo Điều 25 của Quy chế thanh toán tiền lương, thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-TGD.2009 ngày 31/8/2009 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Mía đường S thì việc xử lý quỹ lương thừa được xác định như sau: *“...Hình thức chi theo cách phân phối sản phẩm theo hệ số CBCV + thành tích thi đua cá nhân tại mỗi thời điểm chi thích hợp; Thanh toán hết cho người lao động được hưởng trong thời hạn không quá quy định của pháp luật vào đầu năm sau”*. Khoản 3 Điều 10 của Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 ngày 27/12/2017 (thay thế Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng năm 2009) quy định việc xử lý quỹ lương thừa như sau: *“...Tổng giám đốc sẽ quyết định chi hết trong thời gian theo quy định đảm bảo chi phí được trừ khi xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp”*.

[7] Khoản 1, khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, đã được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì quỹ tiền lương không thuộc doanh thu để tính thu nhập chịu thuế và không thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

[8] Như vậy, theo Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng nêu trên thì quỹ tiền lương còn lại (còn thừa) của mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018 phải được thanh toán cho người lao động tham gia lao động trong mùa vụ này.

[9] Theo phía Công ty cổ phần Mía đường S, Hội đồng quản trị của Công ty ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT.2019 ngày 04/01/2019, trong đó tại mục 11 Điều 1 thể hiện nội dung: *“Quỹ lương còn lại của vụ 2017-2018 là 9.619.591.775 đồng, yêu cầu BCH hoàn nhập trong vụ 2018-2019 để giảm lỗ cho công ty”*; sau đó ban hành Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 15/5/2019 quy định: *“...Thống nhất sử dụng quỹ tiền lương còn lại của năm 2017-2018 là 9.619.591.775 đồng để bổ sung cho quỹ lương năm 2018-2019 để đảm bảo đủ nguồn chi lương cho NLD”*. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, các Nghị quyết này ban hành khi gần kết thúc mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2018-2019 để chi phối quỹ tiền lương của mùa vụ 2017-2018 (mùa vụ này đã kết thúc ngày 30/6/2018) là không đúng với Thỏa ước lao động tập thể ngày 30/9/2016 và Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 ngày 27/12/2017.

[10] Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của tất cả các nguyên đơn, lấy quỹ tiền lương còn thừa của mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018 là 8.904.588.883 đồng chia cho tổng tiền lương thực tế mà Công ty chi trả cho tất cả người lao động vào tháng cuối cùng của mùa vụ

2017-2018, tức tháng 6/2018 (1.547.373.212 đồng), để từ đó tính ra số lương bình quân mỗi người lao động được hưởng thêm 5,75 tháng, nhân với số tiền lương chính, phụ cấp thâm niên, số tháng thực tế mà các nguyên đơn đã làm việc, cụ thể: Mùa vụ 2017-2018, ông Lê Trung T, ông Lê Văn D làm việc đủ 12 tháng, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn Đ làm việc được 11 tháng, ông Danh Thành G làm việc được 09 tháng nên Công ty phải trả cho ông H 16.813.958 đồng, ông Đ 16.651.779 đồng, ông G 14.908.313 đồng, ông T 21.947.750 đồng và ông D 20.510.250 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[11] Công ty cổ phần Mía đường S kháng cáo cho rằng, các nguyên đơn yêu cầu Công ty chi trả quỹ lương còn thừa 8.904 588.883 đồng của mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018 cho các nguyên đơn là không có cơ sở, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, ngoài những văn bản mà Công ty đã viện dẫn nêu trên, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét và chấp nhận.

[12] Về thời hiệu khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần Mía đường S cho rằng các nguyên đơn yêu cầu Công ty chi trả quỹ lương còn thừa 8.904 588.883 đồng của mùa vụ 2017-2018, mùa vụ này bắt đầu từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018, nhưng đến ngày 11/10/2024 các nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện, theo quy định tại khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Lao động năm 2019 là hết thời hiệu khởi kiện, Công ty đã có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và yêu cầu áp dụng điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của Công ty và xác định còn thời hiệu khởi kiện là có căn cứ.

[12.1] Bởi lẽ, sau khi kết thúc mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018, vào năm 2019, nhiều người lao động ở Công ty có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty chi trả quỹ lương còn thừa 8.904 588.883 đồng của mùa vụ 2017-2018 (11 vụ kiện). Công ty đã ban hành Văn bản số 37/TB-ĐST/2020 ngày 10/9/2020 có nội dung: *“....Sau khi có bản án của Tòa án cấp cao nhất của vụ kiện cuối cùng được đưa ra xét xử, nếu phán quyết của Tòa án buộc Công ty phải thanh toán tiền lương cho người lao động thì Công ty sẽ thực hiện, tiền lương sẽ được chi trả cho người có đơn kiện và những người không có đơn kiện đã làm việc tại Công ty trong vụ 2017-2018”*. Văn bản này được niêm yết công khai tại Công ty cho người lao động biết. Thời điểm này, ông H, ông Đ, ông T, ông D, ông G là những người lao động không có đơn khởi kiện do xuất phát từ nội dung văn bản này của Công ty. Đây được xem là Công ty đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với người lao động, cam kết chi trả cho người lao động khi có quyết định cuối cùng của Tòa án, trong đó có cả người lao động không có đơn khởi kiện đã làm việc tại Công ty trong mùa vụ 2017-2018. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty cũng thừa nhận những người có đơn kiện trước đây đã được Tòa án giải quyết xong, trong đó có vụ tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến tiền lương giữa ông Nguyễn Văn Nh, Nguyễn Thanh Ph với Công ty là vụ cuối cùng, đã được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm, tuyên án ngày 26/8/2024 và đã có hiệu lực pháp

luật, kết quả là Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người lao động, buộc Công ty chi trả quỹ lương còn thừa 8.904 588.883 đồng của mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018 cho những người lao động. Tuy nhiên, sau đó Công ty không thực hiện đúng như cam kết tại Văn bản số 37 nêu trên.

[12.2] Khoản 4 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: “*Trường hợp người yêu cầu chứng minh được vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan hoặc lý do khác theo quy định của pháp luật mà không thể yêu cầu đúng thời hạn quy định tại Điều này thì thời gian có sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan hoặc lý do đó không tính vào thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân*”. Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong các trường hợp: “*a) Bên có nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện; b) Bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện; c) Các bên đã tự hòa giải với nhau*”. Căn cứ các quy định này, thời hiệu khởi kiện được tính lại kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/8/2024. Đến ngày 11/10/2024, các nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Lao động năm 2019.

[13] Như vậy, Công ty kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện và Công ty đã có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[14] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[15] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty cổ phần Mía đường S; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

[16] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần Mía đường S là người kháng cáo không được chấp nhận và cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần Mía đường S.

1. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 09/2025/LĐ-ST ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cần Thơ), như sau:

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các ông Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn Đ, Lê Trung T, Lê Văn D và Danh Thành G. Buộc Công ty cổ phần Mía đường S thanh toán quỹ tiền lương còn thừa của mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018 cho:

- Ông Huỳnh Văn H số tiền 16.813.958 đồng (Mười sáu triệu tám trăm mười ba nghìn chín trăm năm mươi tám đồng);

- Ông Huỳnh Văn Đ số tiền 16.651.779 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi chín đồng);

- Ông Danh Thành G số tiền 14.908.313 đồng (Mười bốn triệu chín trăm lẻ tám nghìn ba trăm mười ba đồng);

- Ông Lê Trung T số tiền 21.947.750 đồng (Hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi đồng);

- Ông Lê Văn D số tiền 20.510.250 đồng (Hai mươi triệu năm trăm mười nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Các ông Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn Đ, Danh Thành G, Lê Trung T và Lê Văn D có quyền yêu cầu thi hành án ngay khoản tiền mà Công ty cổ phần Mía đường S có nghĩa vụ thanh toán cho các ông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của các ông Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn Đ, Danh Thành G, Lê Trung T và Lê Văn D cho đến khi thi hành án xong; hàng tháng, Công ty cổ phần Mía đường S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần Mía đường S phải chịu là 2.724.962 đồng (Hai triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi hai đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty cổ phần Mía đường S phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000269 ngày 21

tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, Công ty cổ phần Mía đường S đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND khu vực 5 - Cần Thơ;
- VKSND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 5 - Cần Thơ;
- THADS TP C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm